TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN ĐỀ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2023/HNGĐ-ST.
Ngày: 24 – 02 – 2023
"V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đặng Thị Ngọc Trân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Hà Ngân Kim Tới.

2/ Ông Huỳnh Minh Thuận.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Ông Thị Cành Nha - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề tham gia phiên tòa: Ông Lý Út Hoài, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh S, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 218/2022/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2022 về việc "Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2023/QĐXXST–HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: **Bà Nguyễn Thị H**; Sinh năm 1995; Địa chỉ: Ấp G, thị trấn T, huyện T, tỉnh S (Bà H vắng mặt – có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt).

* *Bị đơn*: Ông **Nguyễn Vũ L**; Sinh năm 1991; Địa chỉ: Ấp G, thị trấn T, huyện T, tỉnh S (Ông Vũ L vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà với ông Nguyễn Vũ L tổ chức lễ cưới vào năm 2013 và cũng trong năm 2013, ông bà đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện T, tỉnh S và được Ủy ban nhân dân thị trấn L cấp giấy chứng nhận kết hôn số 143 ngày 28 tháng 11 năm 2013. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng sống ở nhà cha mẹ bà H ở Ấp G, thị trấn T, huyện T, tỉnh S. Ông bà chung sống hạnh phúc cho đến năm 2021 thì phát sinh

sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai người bất đồng quan điểm nên thường xuyên cự cãi. Hai người tuy sống chung nhà nhưng không quan tâm đến nhau, chuyện ai nấy làm.

Trong quá trình chung sống, bà H với ông Vũ L có một con chung là Nguyễn Vũ L, sinh ngày 30/6/2014.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Nay bà Nguyễn Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Vũ L.

- Về con chung: Bà H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông Vũ L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Vũ L không có lời trình bày do vắng mặt.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ban hành thông báo thụ lý số 218/TB-TLVA ngày 24 tháng 10 năm 2022, tống đạt hợp lệ cho bị đơn ông Nguyễn Vũ L nhưng ông Nguyễn Vũ L không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ hai lần đối với ông Nguyễn Vũ L để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Nguyễn Vũ L đều vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành mở phiên họp và đã lập biên bản không tiến hành hòa giải được. Đồng thời đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị H ly hôn với ông Nguyễn Vũ L. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Vũ L cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục. Ông Nguyễn Vũ L không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Vũ L đều vắng mặt nhưng nguyên đơn bà Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, còn ông Vũ L mặc dù đã được tống đạt giấy triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không rõ lý do. Do đó Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với bà H và ông Vũ L.

[2] Về nội dung: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Vũ L kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện T, tỉnh S cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 28 tháng 11 năm 2013 nên quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông Vũ L là hợp pháp. Nguyên đơn bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là yêu cầu Toà án cho ly hôn với ông Vũ L, yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu ông Vũ L cấp dưỡng nuôi con. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét lý do xin ly hôn của bà H, Hội đồng xét xử xét thấy, bà H và ông Vũ L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Hai người chung sống hạnh phúc cho đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai người bất đồng quan điểm nên thường xuyên cự cãi. Hai người tuy sống chung nhà nhưng không quan tâm đến nhau, chuyện ai nấy làm. Khi bà H gửi đơn ra Tòa án xin ly hôn thì ông Vũ L không có động thái để hàn gắn tình cảm vợ chồng mà còn nói bà H muốn làm gì thì làm, không quan tâm. Xét thấy tình trạng hôn nhân của hai người đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà Nguyễn Thị H yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Vũ L là có căn cứ được quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Cháu Nguyễn Vũ L trình bày có nguyện vọng được sống với mẹ nếu cha và mẹ cháu ly hôn. Bà H yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con. Bà H trình bày bà làm công nhân và thu nhập một tháng khoảng 7.000.000 đồng và thu nhập này bà có thể nuôi dưỡng cháu Luân. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Nguyễn Vũ L cho bà Nguyễn Thị H nuôi dưỡng là phù hợp.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà H không yêu cầu nên ông Vũ L không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung: Bà H trình bày không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về nợ chung: Bà H trình bày không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do bà H yêu cầu nên bà H phải chịu theo luật định.

[9] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được quyền ly hôn với ông Nguyễn Vũ L.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Vũ L, sinh ngày 30/6/2014 cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ông Nguyễn Vũ L không phải cấp dưỡng nuôi con. Ông Nguyễn Vũ L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp ông Nguyễn Vũ L lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà Nguyễn Thị H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông Nguyễn Vũ L. Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004116 ngày 13/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh S. Như vậy, bà Nguyễn Thị H đã nộp xong án phí.

- Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-VKSND huyện T;
-Chi cục THA huyện T;
-TAND tỉnh S (P.KTNV&THA);
-Các đương sự.
-UBND tt L, huyện T, tỉnh S;
-Lưu HSVA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Ngọc Trân